

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 866/2017/ LD-PT

Ngày: 20/9/2017

V/v “Đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Út

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa
Ông Hồ Minh Cường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Hồng Phượng - Cán
bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Phan Ngọc Khanh- Kiểm sát viên

Trong các ngày 22/8;11/9 và 20/9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32 /LDPT
ngày 31/5/2017 về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 21/4/2017 của Tòa
án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1428/2017/QĐ-PT ngày
06/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: đường G, phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông B, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: đường J, phường K, thành phố L, tỉnh L

(Theo giấy ủy quyền ngày 15/8/2016)

2.Bị đơn : Công ty C

Trụ sở chính: đường M, Phường N, quận O, Hà Nội.

Trụ sở chi nhánh: Lầu 5, đường P, phường Q, quận R, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông D; Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện ủy quyền: Bà E, sinh năm 1978(có mặt)

Địa chỉ: Phòng 302, số 9, đường S, phường T, Quận U, Tp Hồ Chí Minh

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2017)

3. *Người làm chứng*: Bà F, sinh năm 1968(có mặt)
Địa chỉ: 206/49 đường V, Phường W, Quận X, Tp Hồ Chí Minh
Do có kháng cáo của nguyên đơn bà A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà A ủy quyền cho ông B đại diện trình bày:

Bà A bắt đầu làm việc cho Công ty C (Công ty) tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 06/2015 nhưng đến ngày 01/10/2015 bà A và Công ty mới ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn là 01 năm từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2016, mức lương là 18.000.000 đồng/tháng, công việc là giám sát. Trong quá trình làm việc bà A đã hoàn thành tốt các công việc mà Công ty giao phó.

Ngày 21/01/2016 bà A bất ngờ nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01-2016/QĐ-MMCN do bà Y – Phó giám đốc Chi nhánh Công ty C ký ban hành và bà A không đến làm việc kể từ ngày 22/01/2016, bà A đã có ý kiến phản ánh về việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thông qua hộp thư điện tử (email) là ba (3) thư điện tử gồm: Thư ngày 25/01/2016, thư ngày 26/01/2016 và thư điện tử của Công ty C ngày 27/01/2016 theo nội dung các thư này là sau khi nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01-2016/QĐ-MMCN ngày 21/01/2016 thì bà A có một số ý kiến liên quan đến việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà A nhưng Công ty không đồng ý, do đó bà A khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Công ty bồi thường, cụ thể:

- Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/3/2016 đến ngày 10/10/2016 với mức lương 18.000.000 đồng x 7 = 126.000.000 đồng;

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian không được làm việc từ ngày 01/3/2016 đến ngày 01/10/2016, tương đương với số tiền: (21% x 18.000.000 đồng) x 7 tháng = 26.460.000 đồng;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 18.000.000 đồng x 2 = 36.000.000 đồng;

- Bồi thường khoản tương ứng với tiền lương không báo trước tương đương 01 tháng tiền lương là 18.000.000 đồng;

Tổng cộng 206.460.000 (hai trăm lẻ sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Bà Z đại diện theo ủy quyền của Công ty C trình bày:

Giữa công ty C và bà A ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn 01 năm từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2016, mức lương là 18.000.000 đồng/tháng với công việc giám sát. Tuy nhiên trong quá trình làm việc, do bà A

không hoàn thành công việc được giao nên ngày 27/01/2016 Công ty ban hành Thông báo số 030116/TB-MMHN về việc Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà A kể từ ngày 28/02/2016 và ngày 29/02/2016 Công ty ban hành Quyết định số 020216/QĐ-MM-HCM về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A. Lý do công ty rút lại quyết định số 01-2016/QĐ-MMCN ngày 21/01/2016 là do Quyết định chưa phù hợp với các quy định của Bộ luật lao động chứ không phải là do ý kiến phản hồi của bà A.

Ngày 21/01/2016 bà Y - Phó giám đốc chi nhánh ký Quyết định số 01-2016/QĐ-MMCN về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A, kể từ ngày 22/01/2016 bà A không đến chi nhánh công ty để làm việc, tuy nhiên Công ty cũng đã thanh toán tiền lương đầy đủ cho bà A tháng 01 và 02/2016 và lương tháng 13/2015 cho bà A tổng cộng là 55.750.000 đồng.

Qua những yêu cầu của nguyên đơn thì phía Công ty không đồng ý với lý do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà A là đúng vì trong quá trình làm việc bà A không hoàn thành công việc được thể hiện tại các biên bản đánh giá công việc của Công ty.

*** Tại bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, xử:**

1. Xác định Quyết định số 020216/QĐ-MM-HCM do Công ty C ban hành ngày 29/02/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A kể từ ngày 01/3/2016 là phù hợp với pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà A đối với Công ty C

3. Án phí lao động sơ thẩm là: Bà A được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/5/2017, nguyên đơn bà A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án lao động số 23/2017/ LĐ-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà A và đại diện theo ủy quyền của bà A có ông B trình bày: Công ty C chấm dứt hợp đồng với bà A trái luật yêu cầu công ty bồi thường cho bà A các khoản:

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/3/2016 đến 30/9/2016, tính trên mức lương 18.000.000đồng/tháng.

- Bồi thường 02 tháng lương cho nghỉ trái luật .

- Đóng BHXH, BHYT thời gian đóng từ 01/3/2016 đến 30/9/2016.

Đại diện theo ủy quyền của công ty có bà E trình bày: Bản án sơ thẩm công ty không kháng cáo yêu cầu y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Công ty C đã ban hành Thông báo số 030116/TB-MMHN ngày 27/01/2016 về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bà A, kể từ ngày 28/02/2016 và giao bà A ngày 28/01/2016, bảo đảm về thời hạn báo trước theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 38 Bộ Luật lao động năm 2012 và ngày 29/02/2016, công ty ban hành quyết định số 022016/QĐ-MM-HCM về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà A. Trên cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện công việc, được thể hiện qua doanh số bán hàng của phòng Call center do bà A phụ trách giám sát tháng 11/2015 là 159.531.000 đồng đạt 53,69% và tháng 12/2015 là 164.726.500 đạt 46,52%, thấp hơn chỉ tiêu đã quy định trong quy chế ngày 26/6/2015, là phù hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 38 Bộ Luật lao động năm 2012 đã được hướng dẫn cụ thể tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà A, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng lao động số 04CNMM/HĐLĐ ngày 01/10/2015 giữa công ty C ký kết với bà A; Thời hạn 01 năm từ ngày 01/10/2015 đến 30/9/2016, mức lương là 18.000.000 đồng/tháng, công việc là giám sát.

Ngày 21/01/2016 bà A nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01-2016/QĐ-MMCN; Ngày 27/01/2016 Công ty ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn kể từ ngày 28/02/2016; Ngày 28/01/2016 Công ty ra quyết định thu hồi quyết định số 01-2016/QĐ-MMCN ngày 21/01/2016.

Đến ngày 29/2/2016 Công ty ra quyết định số 020216/QĐ-MM-HCM Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A kể từ ngày 01/3/2016.

Xét; Tại phiên tòa phía đại diện công ty trình bày công ty cho bà A nghỉ việc vì lý do bà A không hoàn thành công việc theo quy chế đánh giá thực hiện công việc. Tại mục IV quy định Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp “Người lao động có kết quả 02 tháng liên tiếp đạt dưới 60% KPI.” Cụ thể tháng 11/2015 bà A đạt 53,69%; tháng 12/2015 bà A đạt 46,52%. Phía bà A xác nhận hàng tháng bà A báo cáo đánh giá số liệu cho bà F là giám sát bộ phận Call center cụ thể tháng 11/2015 là 148.960.000đồng là 49% ; tháng 12/2015 là 164.071.500đồng 55%. Tại cuộc họp ngày 21/01/2016 công ty đánh giá công việc và thông báo chấm dứt hợp đồng lao động bà A xác nhận bà có tham dự nhưng bà không ký vào biên bản.

Tại phiên tòa bà F xác nhận có thông báo cho bà A về chỉ tiêu và báo cáo hàng tháng theo như quy chế đánh giá công việc hàng tháng mà công ty đã quy định trong quy chế. Hàng tháng bà A có báo cáo số liệu cho bà F, sau đó bà F đối chiếu lại nộp cho bà Y là phó giám đốc chi nhánh công ty, tuy nhiên 11/2015 và tháng 12/2015 bà A không đạt chỉ tiêu đã quy định trong quy chế của công ty.

Xét, Công ty căn cứ vào quy chế đánh giá thực hiện công việc. Tại mục IV quy định Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp “ Người lao động có kết quả 02 tháng liên tiếp đạt dưới 60% KPI”. Đối với trường hợp của bà A 02 tháng liên tiếp đạt dưới 60% KPI, công ty có tiến hành họp về việc bà A không đạt chỉ tiêu và thông báo chấm dứt hợp đồng đối với bà A. Do đó công ty ra thông báo số 030116/TB-MMHN ngày 27/01/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn đối với bà A kể từ ngày 28/02/2016, là đúng thời hạn báo trước 30 ngày được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 05/2015 ngày 12/01/2015 về “ Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động” Người sử dụng lao động phải quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của doanh nghiệp, làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ do người sử dụng lao động ban hành sau khi có ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ quan” Theo quyết định số 010115/QĐ-MM ngày 26/6/2015 về việc ban hành quy chế đánh giá thực hiện công việc do Tổng giám đốc D ký có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015 và đã được nhân viên công ty chấp hành thể hiện qua việc báo cáo hàng tháng. Đồng thời bà A cũng chấp hành việc báo cáo hàng tháng cho bà F, tuy nhiên 02 tháng liên tiếp bà A đạt dưới 60% KPI. Như vậy, căn cứ vào quy chế đánh giá thực hiện công việc của công ty thì bà A không hoàn thành công việc. Do đó Công ty C ban hành Quyết định số 020216/QĐ-MM-HCM ngày 29/02/2016 về việc chấm dứt

hợp đồng lao động đối với bà A kể từ ngày 01/3/2016 là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 38 Bộ Luật lao động năm 2012

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở chấp nhận.

Đối với những phần quyết định khác của án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị định số 05/2015/NĐ- CP ngày 12/01/2015 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và căn cứ khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A

2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình:

- Xác định Quyết định số 020216/QĐ-MM-HCM do Công ty C ban hành ngày 29/02/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A kể từ ngày 01/3/2016 là phù hợp với pháp luật.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà A đối với Công ty C

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà A được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12.

4. Án phí Lao động phúc thẩm:

- Bà A được miễn

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM ;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS Tân Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út